

Số: ~~1594~~/QĐ-UBND

Bình Định, ngày ~~14~~ tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng  
Công trình: Trung tâm Hội nghị của tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

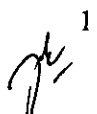
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm Hội nghị của tỉnh; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm Hội nghị của tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4713/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán Công trình Trung tâm Hội nghị của tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 5684/UBND-KT ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh thiết kế phần hoàn thiện kiến trúc, nội thất và lắp đặt thiết bị công trình Trung tâm Hội nghị của tỉnh;

Căn cứ Kết luận số 238-KL/TU ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Văn bản số 1832/UBND-KT ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh về việc phương án hoàn thiện nội thất, trang thiết bị lắp đặt cho công trình Trung tâm Hội nghị của tỉnh;

 1

Xét đề nghị đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 270/BC-SKHĐT ngày 09/5/2019 và đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 139/SXD-QLXDTĐ ngày 26/4/2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên công trình:** Trung tâm Hội nghị của tỉnh.

**2. Tổ chức tư vấn lập dự án đầu tư điều chỉnh, bổ sung:** Liên danh Công ty StudioMilou Singapore Pte Ltd và Công ty TNHH Tư vấn & thiết kế T.A.D.

**3. Đơn vị thẩm định dự án điều chỉnh, bổ sung:** Sở Xây dựng Bình Định.

**4. Nội dung điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư:**

a) Điều chỉnh quy mô phần hoàn thiện kiến trúc nội thất và lắp đặt thiết bị công trình theo chủ trương của UBND tỉnh tại Văn bản số 5684/UBND-KT ngày 19/9/2018 và Văn bản số 1832/UBND-KT ngày 10/4/2019.

b) Bổ sung khối lượng công việc sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo kết cấu thông tầng theo chủ trương của UBND tỉnh tại Văn bản số 2265/UBND-KT ngày 27/4/2018.

c) Điều chỉnh chống thấm sàn mái; bổ sung lát đá bó vỉa, vỉa hè xung quanh công trình.

d) Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án để thực hiện khối lượng điều chỉnh phần hoàn thiện kiến trúc nội thất và lắp đặt thiết bị công trình, đảm bảo hoàn thành toàn bộ công trình vào tháng 6/2020.

đ) Nội dung điều chỉnh, bổ sung cụ thể như sau:

- Nội dung và quy mô đầu tư:

+ *Khán phòng:*

Vách 2 ốp gỗ hoa văn và gỗ đục lỗ tiêu âm điều chỉnh thành vách thạch cao tiêu âm khung chìm; vách 3 ốp gỗ đục lỗ điều chỉnh thành vách thạch cao tiêu âm khung chìm;

Trần khu dịch thuật ốp gỗ điều chỉnh thành trần thạch cao khung chìm; trần khán đài cao độ +5,0m ốp gỗ đục lỗ điều chỉnh thành trần thạch cao tiêu âm khung chìm; trần khán đài cao độ +12,0m ốp gỗ điều chỉnh thành trần thạch cao khung chìm;

Nội thất: Bàn, ghế nhập khẩu điều chỉnh thành bàn, ghế sản xuất trong nước.

+ *Sảnh và hành lang:*

Sàn: Điều chỉnh sàn lát đá granite và sàn gỗ thành lát đá basalt và gạch granite;

Tường, vách một số vị trí: Điều chỉnh ốp gỗ, đá marble thành ốp đá vàng Thanh Hóa, đá basalt và sơn nước;

Trần một số vị trí: Điều chỉnh ốp gỗ thành thạch cao;

+ *Khu triển lãm đa năng:*

Tường khu vực kết nối giữa sân khấu và khu triển lãm đa năng, sảnh: Điều chỉnh tường ốp gỗ thành sơn hoàn thiện theo màu gỗ; Tường bên trong phòng triển lãm: Điều chỉnh tường ốp nan gỗ xoài thành tường gỗ tiêu âm xẻ rãnh (MDF);

Vách ngăn di động: Không đầu tư vách ngăn;

Nội thất: Sử dụng ghế sản xuất trong nước thay thế cho nhập khẩu.

+ *Khu trung bày:* Điều chỉnh sàn lát gỗ thành lát đá basalt.

+ *Khu phòng họp và admin:*

Sàn: Điều chỉnh sàn lát đá granite thành lát đá basalt;

Nội thất: Sử dụng ghế sản xuất trong nước thay cho ghế nhập khẩu;

Vách ngăn di động: Không đầu tư vách ngăn.

+ *Hệ thống kỹ thuật, thiết bị:*

Hệ thống âm thanh, ánh sáng khán phòng: Chuyển đổi âm thanh ánh sáng biểu diễn nghệ thuật thành âm thanh ánh sáng hội nghị;

Hệ thống điều hòa không khí: Điều chỉnh sử dụng hệ thống máy lạnh cục bộ cho khu phòng họp và phòng Admin (các phần còn lại vẫn sử dụng điều hòa trung tâm);

Đèn chiếu sáng: Sử dụng đèn Led sản xuất tại Việt Nam thay thế cho đèn nhập khẩu; điều chỉnh giảm thiết bị điều khiển chiếu sáng tự động;

Hệ thống thang máy: 02 thang cuốn: Sử dụng thang nhập khẩu, vì hiện nay không có hàng lắp ráp trong nước; 07 thang máy tải khách: Sử dụng thang máy lắp ráp trong nước thay thế cho nhập khẩu.

+ *Bổ sung hạng mục:* Lát đá granite bó vữa, vữa hè xung quanh công trình.

+ *Điều chỉnh chống thấm sàn mái:* Điều chỉnh từ quét chống thấm Intoc 04 thành dán màng khò nóng gốc bitum.

- Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung:

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung: **355.315.046.000 đồng** (Ba trăm năm mươi lăm tỷ, ba trăm mười lăm triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Đơn vị tính: Đồng.

| Stt | Cơ cấu nội dung chi phí    | Tổng mức đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh | Tổng mức đầu tư phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |
|-----|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1   | Chi phí xây dựng           | 207.959.840.000                                                                        | 239.963.227.000                               |
| 2   | Chi phí thiết bị, nội thất | 86.428.036.000                                                                         | 54.628.944.000                                |
| 3   | Chi phí quản lý dự án      | 3.733.374.000                                                                          | 3.735.964.000                                 |
| 4   | Chi phí tư vấn ĐTXD        | 24.737.945.000                                                                         | 27.491.759.000                                |
| 5   | Chi phí khác               | 1.899.477.000                                                                          | 7.452.742.000                                 |
| 6   | Chi phí dự phòng           | 52.651.163.000                                                                         | 22.042.410.000                                |
|     | <b>Tổng cộng</b>           | <b>377.409.835.000</b>                                                                 | <b>355.315.046.000</b>                        |

- Thời gian tổ chức thực hiện:

|                                                                            |                             |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <b>Theo Điều 1 Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh</b> | <b>Phê duyệt điều chỉnh</b> |
| Năm 2015 - 2019                                                            | Năm 2015 - 2020             |

**Điều 2.** Giao Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung khác theo yêu cầu và kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 139/SXD-QLXDTĐ ngày 26/4/2019; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các bước tiếp theo để thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 và Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh. Các nội dung không phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này thì

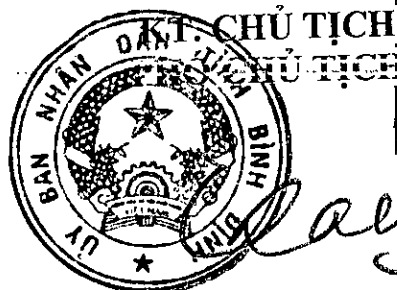


vấn tổ chức thực hiện theo các Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 và Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT P.C.Thắng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14. /



**Phan Cao Thắng**